TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 17/4/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Tạ Kỳ Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phan Kim L, sinh năm 1988.

Cư trú tại: khu phố T, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: anh Phạm Văn H, sinh năm 1984.

Cư trú tại: ấp BT, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị L, anh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Kim L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H chung sống với nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại ấp BT, xã

PB, thị xã Trảng Bàng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, anh H không quan tâm, lo lắng cho gia đình, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh H không thay đổi, vợ chồng thường xuyên gây gỗ nhau vì kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, chị đã về sống cùng mẹ ruột tại khu phố T, thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phạm Thanh D, sinh ngày 03/6/2023 hiện đang sống chung với chị, cháu D rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Phạm Văn H trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 do giữa chị L và gia đình của anh có mâu thuẫn, thường gây gỗ nhau, chị L yêu cầu anh về sống chung với mẹ của chị L nhưng anh không đồng ý nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn chung sống với nhau. Từ khi ly thân, anh đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị L đều không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn chị L, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị L vì anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Phạm Thanh D, sinh ngày 03/6/2023 hiện đang sống chung với chị L. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý giao cháu D cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh không đồng ý cấp dưỡng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng theo yêu cầu của chị L vì anh không có đủ khả năng kinh tế. Hiện tại anh đang đi làm thuê, thu nhập không ổn định nên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Phan Kim L đối với anh Phạm Văn H. Chị L được ly hôn anh H.

Về con chung: giao cháu Phạm Thanh D, sinh ngày 03/6/2023 cho chị Phan Kim L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị L, anh H trình bày không có nợ.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Phan Kim L và anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ nhau và vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn chung sống với nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ cùng chị L.

Xét thấy, từ khi vợ chồng chị L, anh H ly thân, anh H đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị L đều không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm với anh H và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị L và anh H đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H, cho chị L được ly hôn anh H là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Vợ chồng chị L, anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thanh D, sinh ngày

03/6/2023 hiện đang theo sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, cháu D hiện tại vẫn còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng đồng ý giao cháu D cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Xét thấy, mức yêu cầu của chị L có phần cao so với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, đồng thời anh H cũng không đồng ý cấp dưỡng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng mà chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại và buộc anh H cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng là phù hợp. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị L, anh H trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Kim L đối với anh Phạm Văn H.

Chị Phan Kim L được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Thanh D, sinh ngày 03/6/2023 cho chị Phan Kim L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thanh D, sinh ngày 03/6/2023 mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L, anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị L, anh H trình bày không có nợ.

5. Án phí: chị Phan Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015182 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Chị L, anh H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã PB;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Minh Thư